TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

**KHOA Y**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT TỔNG HỢP**

**PHẦN: BỆNH HỌC**

**Đối tượng: ĐIỀU DƯỠNG TRUNG CẤP**

*KỲ THI 22-23/12/2015*

**MÔN ĐIỀU DƯỠNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** |
| 1 | Trình bày diễn biến lâm sàng của bệnh truyền nhiễm (Bài Đại cương về bệnh truyền nhiễm) |
| 2 | Bài Tả |
| 3 | Bài Lỵ trực trùng |
| 4 | Bài Lỵ amip |
| 5 | Bài Sởi (ban đỏ) |
| 6 | Bài Uốn ván |
| 7 | Bài Viêm màng não mủ |
| 8 | Bài Viêm gan siêu vi |
| 9 | Bài Sốt xuất huyết – Dengue |
| 10 | Bài Quai bị |
| 11 | Bài Cúm |
| 12 | Bài Sốt rét |
| 13 | Bài Nhiễm HIV/AIDS |
| 14 | Bài viêm não Nhật Bản |
| 15 | Bài Thủy đậu |
| 16 | Bài Sốc (shock) nhiễm trùng |

**Ghi chú:** Đã bỏ 6 bài.

**MÔN ĐD SẢN PHỤ KHOA**

|  |  |
| --- | --- |
| *Bài 1. Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng* |  |
| *Bài 2. Thay đổi giải phẩu, sinh lý ở phụ nữ khi có thai* |  |
| Bài 3. Thai nhi đủ tháng |  |
| *Bài 4. Chẩn đoán thai nghén, vệ sinh thai nghén* |  |
| Bài 5. Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi – chăm sóc chuyển dạ |  |
| Bài 6. Vô khuẩn trong sản khoa |  |
| *Bài 7. Đỡ đẻ thường* |  |
| Bài 8. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ |  |
| Bài 9. Chăm sóc sản phụ sau đẻ |  |
| *Bài 10. Sẩy thai, thai trứng, thai ngoài tử cung* |  |
| *Bài 11. Nhau tiền đạo, nhau bong non, thai chết lưu* |  |
| *Bài 12. Đại cương đẻ khó* |  |
| Bài 13. Hội chứng nhiễm độc thai nghén và sản giật |  |
| Bài 14. Dọa vỡ và vỡ tử cung |  |
| Bài 15. Chảy máu sau đẻ |  |
| Bài 16. Nhiễm khuẩn sau đẻ |  |
| *Bài 17. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục* |  |
| *Bài 18. Khối u đường sinh dục, u vú* |  |
| *Bài 19. Dân số và phát triển* |  |
| *Bài 20. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình* |  |
| Bài 21. Các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch |  |

**Ghi chú:**

Các bài in nghiêng là các bài bộ môn đồng ý miễn giảm cho học sinh khi thi lại tốt nghiệp đợt tháng 12/2015 thuộc học phần trên

**MÔN SỨC KHỎE TRẺ EM**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** |
| 1 | Xử trí lồng ghép trẻ bệnh |
| 2 | Tiêu chảy cấp |
| 3 | Nhiễm khuẩn hô hấp cấp và chương trình phòng chống |
| 4 | Viêm phổi |
| 5 | Hội chứng thận hư |
| 6 | Suy dinh dưỡng |
| 7 | Còi xương do thiếu vitamin B |
| 8 | Vàng da sơ sinh |
| 9 | Ăn dặm |
| 10 | Nuôi con bằng sữa mẹ |

**MÔN BỆNH NGOẠI**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** |
| 1 | Viêm phúc mạc |
| 2 | Tắc ruột |
| 3 | Viêm ruột thừa |
| 4 | Lồng ruột |
| 5 | Sỏi ống mật chủ |

**MÔN BỆNH NỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** |
| 1 | Viêm phổi |
| 2 | Tăng huyết áp |
| 3 | Loét dạ dày tá tràng |
| 4 | Hen phế quản |
| 5 | Tai biến mạch máu não |
| 6 | Viêm khớp dạng thấp |
| 7 | Suy tim |

**MÔN GIẢI PHẪU SINH LÝ**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** |
| 1 | Hệ xương - khớp |
| 2 | Cơ – mạch máu – thần kinh vùng đầu, mặt, cổ và thân mình |
| 3 | Cơ – mạch máu – thần kinh chi trên và chi dưới |
| 4 | Hệ thần kinh |
| 5 | Hệ tuần hoàn |
| 6 | Hệ hô hấp |
| 7 | Hệ tiêu hóa |
| 8 | Hệ tiết niệu |

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2015

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Văn Tư**